

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 01/06/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Phước

2. Bà Âu Thị Kiều Sương.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐST -DS ngày 06 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Đỗ Ngọc Quỳnh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp m, xã n, thành phố p, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: bà Đỗ Thị Ngọc D, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(chị H, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và đại diện theo uỷ quyền của bà trình bày:

Vào năm 2019, 2020 và 2021, bà H có làm chủ 15 dây hụi, bà Đỗ Thị Ngọc D có tham gia chơi 17 phần hụi trong tổng 15 dây hụi do bà H làm chủ và mượn tiền mặt của bà H để xây dựng, sửa chữa nhà cửa và nhập hàng về buôn bán. Cụ thể như sau:

1/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 15/6/2019 âm lịch, dây hụi này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ nhất bà D hốt, có nhận số tiền là: 141.000.000 đồng. Theo thỏa thuận bà sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà sẽ đóng hụi chết 20 kỳ. Hụi tháng 1 năm 2021 âm lịch mãn. Bà D chưa đóng hụi chết kỳ nào, nợ 200.000.000 đồng.

2/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 15/6/2019, dây hụi này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ hai bà D hốt, có nhận số tiền là: 138.950.000 đ. Theo thỏa thuận bà D đóng hụi chết 19 kỳ x 10.000.000 đồng là 190.000.000 đồng, bà D sẽ đóng hụi chết đến 01 năm 2021 mãn, bà D chưa đóng hụi chết kỳ nào, nợ lại 19 kỳ là 190.000.000 đồng.

3/ Hụi 5.000.000 đồng mở đầu ngày 15/6/2019 âm lịch, dây hụi này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ hai bà D hốt, có nhận số tiền là: 73.750.000 đồng. Theo thỏa thuận bà sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 5.000.000 đồng, đóng 19 kỳ chết x 5.000.000 đồng, bà sẽ đóng hụi chết đến 01 năm 2021 mãn, bà D chưa đóng hụi chết kỳ nào, còn nợ lại 19 kỳ x 5.000.000 đồng là 95.000.000 đồng.

4/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 15/6/2019 âm lịch, dây hụi này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ sáu bà D hốt, có nhận số tiền là: 152.250.000 đồng. Theo thỏa thuận bà sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà sẽ đóng hụi đến 01 năm 2021 mãn, bà D phải đóng hụi chết là 15 kỳ, bà D chưa đóng kỳ nào. Nợ cho hết dây hụi là 150.000.000 đồng.

5/ Hụi 5.000.000 đồng mở đầu ngày 19/01/2020 âm lịch, dây hụi này gồm 32 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần, hụi khui kỳ thứ ba bà D hốt, có nhận số tiền là: 117.700.000 đ. Theo thỏa thuận bà sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 5.000.000 đồng, bà phải đóng hụi chết 29 kỳ, sẽ đóng hụi chết đến 04 năm 2022 mãn, bà D đã đóng được 2 kỳ, còn nợ 27 kỳ x 5.000.000 đồng là 135.000.000 đồng.

6/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 04/4/2020 âm lịch, dây hụi này gồm 20 phần, bà D tham gia chơi 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ nhất bà D hốt, có nhận số tiền là: 133.700.000 đ. Theo thỏa thuận bà D sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà D phải đóng 19 kỳ chết. Bà D chưa đóng hụi chết lần nào. Tháng 10 năm 2021 mãn hụi. còn nợ 190.000.000 đồng.

7/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 04/4/2020 âm lịch, dây hụi này gồm 20 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ tư bà D hốt, có nhận số tiền là: 141.800.000 đ. Theo thỏa thuận bà D sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ

10.000.000 đồng, bà D phải đóng hội chết 16 kỳ, nhưng bà D chưa đóng hội chết lần nào, còn nợ 160.000.000 đồng. Tháng 10 năm 2021 mãn hội.

8/ Hội 5.000.000 đồng mở đầu ngày 25/7/2020 âm lịch, đây hội này gồm 20 phần, bà D tham gia 02 phần, hội khui mỗi tháng 01 lần, hội khui kỳ thứ nhất bà D hốt, có nhận số tiền là: $64.000.000 \times 2 \text{ phần} = 128.000.000 \text{ đ}$. Theo thỏa thuận mỗi tháng bà D đóng hội chết 19 kỳ đối với một phần, bà D 2 phần nên bà D phải đóng 19 kỳ chết trên hai phần, mỗi kỳ đóng 10.000.000 đồng. Bà D chưa đóng kỳ hội chết nào. Tính đến tháng 02 năm 2022 bà D nợ 15 kỳ chưa đóng hội chết là $15 \times 10.000.000$ đồng là 150.000.000 đồng.

9/ Hội 5.000.000 đồng mở đầu ngày 25/7/2020 âm lịch, đây hội này gồm 33 phần, bà D tham gia 02 phần, hội khui mỗi tháng 02 lần, hội khui kỳ thứ nhất bà D hốt, có nhận số tiền là: $103.100.000 \times 2 \text{ phần} = 206.200.000 \text{ đ}$. Đây hội này mãn vào tháng 11 năm 2021. Thỏa thuận mỗi kỳ bà D đóng hội chết của hai phần là 10.000.000 đồng, bà D đóng hội chết 32 kỳ. Từ khi hốt hội đến nay bà D đóng được 3 kỳ. Tháng 11 năm 2021 mãn hội. nợ 29 kỳ là 290.000.000 đồng.

10/ Hội 5.000.000 đồng mở đầu ngày 25/7/2020 âm lịch, đây hội này gồm 33 phần, bà D tham gia 1 phần, hội khui mỗi tháng 02 lần, hội khui kỳ thứ hai bà D hốt, có nhận số tiền là: 117.200.000 đồng. Theo thỏa thuận bà D phải đóng lại 31 kỳ chết, mỗi kỳ là 5.000.000 đồng. Đây hội này tháng 11 năm 2021 mãn. Bà D đóng hội chết 03 kỳ. Tháng 11 năm 2021 mãn hội thì xác định bà D thiếu 28 kỳ $\times 5.000.000$ đồng là 140.000.000 đồng.

11/ Hội 5.000.000 đồng mở đầu ngày 25/7/2020 âm lịch, đây hội này gồm 20 phần, bà D tham gia 1 phần, hội khui mỗi tháng 1 lần, hội khui kỳ thứ ba bà D hốt, có nhận số tiền là: 74.650.000 đ. Tính đến tháng 2 năm 2022 mãn. Theo thỏa thuận bà D sẽ đóng hội chết mỗi kỳ 5.000.000 đồng, đóng hội chết 17 kỳ chết, bà D chưa đóng được kỳ nào hết, tính đến tháng 02 năm 2022 mãn hội bà D nợ 17 kỳ $\times 5.000.000$ là 85.000.000 đồng.

12/ Hội 10.000.000 đồng mở đầu ngày 25/8/2020 âm lịch, đây hội này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hội khui mỗi tháng 01 lần, hội khui kỳ thứ hai bà D hốt, có nhận số tiền là: 145.600.000 đ. Đây hội này đến tháng 4 năm 2022 mãn. Theo thỏa thuận bà D sẽ đóng hội chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà D phải đóng hội chết 19 kỳ. Từ lúc bà D hốt hội cho đến nay chưa đóng hội chết, tính đến tháng 4 năm 2022 mãn hội nợ 19 kỳ $\times 10.000.000$ đồng là 190.000.000 đồng.

13/ Hội 10.000.000 đồng mở đầu ngày 25/8/2020 âm lịch, đây hội này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hội khui mỗi tháng 01 lần, hội khui kỳ thứ ba bà D hốt, có nhận số tiền là: 145.500.000 đ. Đây hội này theo thỏa thuận bà đóng lại 18 kỳ chết, mỗi kỳ là 10.000.000 đồng. Bà D chưa đóng hội chết kỳ nào. Tính đến tháng 4 năm 2022 mãn hội nợ 18 kỳ số tiền 180.000.000 đồng.

14/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 25/8/2020 âm lịch, dây hụi này gồm 21 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ tư bà D hốt, có nhận số tiền là: 151.650.000 đ. Theo thoả thuận bà D sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà phải đóng hụi chết 17 kỳ. Bà D chưa đóng kỳ hụi chết nào. Đến tháng 4 năm 2022 mãn hụi nợ 17 kỳ là 170.000.000 đồng.

15/ Hụi 10.000.000 đồng mở đầu ngày 25/8/2020 âm lịch, dây hụi này gồm 21 Phần, bà D tham gia 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, hụi khui kỳ thứ năm bà D hốt, có nhận số tiền là: 151.800.000 đ. Theo thoả thuận bà sẽ đóng hụi chết mỗi kỳ 10.000.000 đồng, bà phải đóng hụi chết 16 kỳ. Bà chưa đóng lại hụi chết thì bị bề nợ, dây hụi này bà nợ toàn bộ. Tính đến tháng 4 năm 2022 mãn hụi nợ 16 kỳ là 160.000.000 đồng.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2020, bà D có mượn của bà H số tiền mặt là: 1.300.000.000 đồng. Vào ngày 16 tháng 10 năm 2020, bà D có mượn của bà H số tiền mặt là: 1.500.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu bà D trả tiền nợ hụi tổng cộng 2.615.360.000 đồng bao gồm nợ hụi gốc 2.485.000.000 đồng và tiền lãi là 130.360.000 đồng là tính từ ngày mãn của từng dây hụi đến ngày xét xử trên số tiền nợ thiếu của từng dây hụi theo lãi suất 0.8%/tháng cụ thể là biên nhận hụi hốt số tiền 141.000.000 yêu cầu trả lãi 24.000.000 đồng;

biên nhận hụi hốt số tiền 138.950.000 yêu cầu trả lãi 22.800.000 đồng ; biên nhận hụi hốt số tiền 73.750.000 yêu cầu trả lãi 11.400.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 152.250.000 yêu cầu trả lãi 18.000.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 117.700.000 yêu cầu trả lãi 12.960.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 133.700.000 yêu cầu trả lãi 10.640.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 141.800.000 yêu cầu trả lãi 8.960.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 128.000.000 yêu cầu trả lãi 3.040.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 206.200.000 yêu cầu trả lãi 11.600.000 đồng; biên nhận hụi hốt số tiền 117.200.000 yêu cầu trả lãi 5.600.000; biên nhận hụi hốt số tiền 74.650.000 yêu cầu trả lãi 1.360.000 đồng; đối với các biên nhận nợ hốt hụi 145.600.000 đồng; biên nhận nợ hốt hụi 145.500.000 đồng; biên nhận nợ hốt hụi 151.650.000 đồng; biên nhận nợ hốt hụi 151.800.000 đồng bà H không yêu cầu tính lãi.

Số tiền vay bà H yêu cầu bà D trả nợ gốc là 2.800.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 20%/năm là 911.519.088 đồng.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày: Đối với số tiền nợ vay hai lần tổng cộng 2.800.000.000 đồng bà D thừa nhận có vay của bà H, bà có ký biên nhận nợ. Bà thừa nhận bà có hốt hụi tất cả các dây hụi và nhận số tiền lần lượt theo 15 dây hụi mà phía nguyên đơn trình bày, bà có ký giấy nhận tiền đối với từng dây hụi trên, thống nhất thời gian mở hụi cũng như thời gian mãn từng dây hụi mà nguyên đơn trình bày. Bà D cũng thống nhất số tiền mỗi tháng đóng hụi chết theo mệnh giá từng dây hụi, số kỳ chết phải đóng lại theo từng dây hụi.

Tuy nhiên đối với số tiền bà D đã đóng hụi chết đây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 15/6/2019 hốt số tiền 141.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng; đây hụi 10.000.000 đ khui ngày 15/6/2019, bà D hốt số tiền là: 138.950.000 đồng bà chỉ còn nợ lại có 01 tháng hụi chết là 10.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đ mở đầu ngày 15/6/2019 âm lịch, bà D hốt số tiền là: 73.750.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại có 01 tháng là 5.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 15/6/2019 bà D hốt số tiền 152.250.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại có một kỳ là 10.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khui ngày 19/01/2020 bà D hốt số tiền 117.700.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại 35.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 04/4/2020 bà D hốt số tiền 133.700.000 đồng, bà còn nợ 10 kỳ là 100.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 04/4/2020 bà D hốt số tiền 141.800.000 đồng, bà còn nợ lại 10 kỳ chết là 100.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/7/2020 bà D hốt hai phần là 128.000.000 đồng, bà D còn nợ lại 10 kỳ chết là 100.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/7/2020 bà D hốt hai phần số tiền 206.200.000 đồng, bà còn nợ 22 kỳ của hai phần là 220.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/7/2020 bà D hốt số tiền 117.200.000 đồng, bà D còn nợ 22 kỳ là 110.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/7/2020 bà D hốt 74.650.000 đồng, bà D còn nợ 14 kỳ số tiền 70.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 25/8/2020 bà D hốt 145.600.000 đồng, bà còn nợ 16 kỳ là 160.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 25/8/2020 bà D hốt số tiền 145.500.000 đồng, bà còn nợ 16 kỳ là 160.000.000 đồng; hụi 10.000.000 đồng khui ngày 25/8/2020 bà D hốt số tiền 151.650.000 đồng bà chỉ còn nợ 16 kỳ là 160.000.000 đồng; hụi khui ngày 25/8/2020 bà D hốt 151.800.000 đồng, bà D còn nợ 16 kỳ là 160.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hụi bà còn nợ bà H đối với các dây hụi trên là 1.460.000.000 đồng bà yêu cầu trừ ra hai dây hụi bà đã bán cho bà H, và bà H có thừa nhận với số tiền 90.750.000 đồng.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bà D trình bày: phía bị đơn giao nộp chứng cứ không đúng hạn thông báo của Toà án là do bà D không tìm thấy các tờ giấy này, sau này mới tìm thấy, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng những dòng chữ và con số được ghi trong những tờ giấy bà nộp, không có chữ ký của bà H nhưng là do bà H viết. Bà D đã đóng lãi cho bà H tổng cộng 429.000.000 đồng là con số bà D nói lại chứ không xác định được lãi trả cụ thể ngày nào bao nhiêu đối với giấy nợ nào, cũng như dây hụi nào. Bà D xác định tất cả các dây hụi bà D hốt bà D chỉ vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết từ tháng 1 năm 2021, từ tháng 12 trở về trước bà D đều đóng hụi chết đầy đủ.

Bà D đồng ý trả cho bà H số tiền nợ hụi là 1.369.250.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật và đồng ý trả nợ gốc vay 2.800.000.000 đồng. Đối với tiền nợ hụi đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật, tiền nợ vay bà D xin không trả lãi nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ H căn cứ vào các giấy giao hụi và giấy vay nợ yêu cầu bà Đỗ Thị Ngọc D trả số tiền nợ đã vay và tiền nợ hụi do vi phạm nghĩa vụ đóng hụi. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản, bị đơn là bà D có nơi cư trú tại xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu bà H buộc bà D trả nợ vay với số tiền gốc 2.800.000.000 đồng, nhận thấy: bà D thừa nhận có vay bà H số tiền 2.800.000.000 đồng và thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 16/10/2020 và biên nhận nợ ngày 15/04/2020. Do đó bà H yêu cầu bà D trả số tiền nợ vay 2.800.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền lãi bà H yêu cầu bà D trả lãi trên số tiền 2.800.000.000 đồng kể từ ngày 16/10/2020 cho đến ngày xét xử theo lãi suất 20%/ năm số tiền 911.519.088 đồng. Xét thấy: căn cứ theo biên nhận nợ ngày 16/10/2020 và biên nhận nợ ngày 15/04/2020 là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có thoả thuận thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay. Bà D thừa nhận có thoả thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng, nhưng không thừa nhận có thoả thuận miệng thời hạn trả nợ là 6 tháng đối với biên nhận nợ ngày 16/10/2020 và 01 tháng đối với biên nhận nợ ngày 15/4/2020, bà H lại không có chứng cứ chứng minh. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi. Bà H yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1.6666 % /tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Về thời gian yêu cầu trả lãi: theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.”. Đối chiếu với điều luật viện dẫn trên, ngày 27/04/2021 bà H có đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ, thời gian tính lãi được xác định tại thời điểm yêu cầu trả nợ là ngày khởi kiện (ngày 27/04/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (01/6/2022) là 13 tháng 05 ngày. Như vậy số tiền lãi đối với khoản vay trên bà D phải trả cho bà H được xác định là $2.800.000.000 \text{ đồng} \times 13 \times 1.6666\% + 2.800.000.000 \text{ đồng} \times 5:30 \times 1.6666\% = 614.419.000 \text{ đồng}$. Bà D cho rằng tiền lãi bà đã đóng cho bà H là 429.000.000 đồng không được bà H thừa nhận. Phía bà D không xác định được cụ thể lãi đã đóng vào ngày tháng nào số tiền cụ thể tiền lãi của số tiền vay nào, mỗi tháng đóng bao nhiêu, các chứng từ bị đơn nộp lại là những con số không có chữ ký của bà H không có giá trị chứng minh cho lời trình bày của bị đơn. Tại biên bản hoà giải ngày 14/10/2022 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có thừa nhận bà D có đóng lãi 05 tháng với lãi suất 3%/tháng trên số tiền vay 1.300.000.000 đồng, nhưng tại biên bản hoà giải ngày

03/11/2021 cho rằng bà D chưa đóng lãi là không cơ sở chấp nhận, nên cần phải xem xét trừ lại số tiền lãi bà D đã đóng cho bà H là $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/\text{tháng} \times 5 = 195.000.000 \text{ đồng}$. Bà D phải có trách nhiệm trả lãi trên số tiền nợ vay là $614.419.000 \text{ đồng} - 195.000.000 \text{ đồng} = 419.419.000 \text{ đồng}$.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền nợ hui, nhận thấy: Bà D thừa nhận bà có hót hui tất cả các dây hui và nhận số tiền lần lượt theo 15 dây hui mà phía nguyên đơn trình bày, bà D thừa nhận có ký giấy nhận tiền đối với từng dây hui trên, thống nhất thời gian mở hui cũng như thời gian mãn hui của từng dây hui mà nguyên đơn trình bày, thống nhất đóng hui chết theo mệnh giá từng kỳ của từng dây hui. Tuy nhiên bà D cho rằng bà D chỉ vi phạm việc đóng hui chết đối với các dây hui trên kể từ tháng 1 năm 2021 trở về sau, bà D chỉ còn nợ lại là 1.460.000.000 đồng bà yêu cầu trừ ra hai dây hui bà đã bán cho bà H với số tiền 90.750.000 đồng. Ngày 04/11/2021 Toà án đã có thông báo số 230/TB-TA ngày 04/11/2021 yêu bà D cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà D. Ngày 04/11/2021 bà D nhận trực tiếp thông báo tại Toà án. Hết thời hạn theo thông báo bà D không cung cấp chứng cứ. Tại phiên toà ngày 20/12/2021 đại diện theo uỷ quyền của bà D cung cấp 19 tờ giấy:

01 tờ giấy hót hui đánh số 1 phía tay phải phía trên, hui mở ngày 15/6/2019 al, mặt trước có ghi chữ một trăm bốn mươi một triệu đồng, mặt sau của tờ giấy cuối trang có ghi 31.000.000.

01 tờ giấy hót hui có đánh số 4 ở bên phải mặt trước có ghi nội dung hui ngày 15/6/2019 al, cuối trang ghi chữ một trăm năm mươi hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng, mặt sau cuối trang giấy ghi 30.740.000.

01 tờ giấy mặt trước có ghi giấy hót hui ngày 25/7/2020 (AL), cuối trang ghi là hai trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn, bên góc phải phía trên có đánh số 8, mặt sau trống.

01 tờ giấy phía trên góc phải có đánh số 9, cuối mặt trước của tờ giấy có ghi chữ Hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm ngàn đồng.

01 tờ giấy phía góc phải phía trên của tờ giấy mặt trước có ghi số 9, đầu tờ giấy có ghi số 43.500.000, cuối tờ giấy ghi còn lại 6.500.000, mặt sau của tờ giấy có 4 dòng chữ bị gạch ngang.

01 tờ giấy mặt trước có ghi hót hui mở ngày 19/01/20 (al), phía trên góc phải có đánh số 5, tổng cộng số tiền hót hui ghi 117.700.000, trừ lãi 39.000.000, còn lại 78.700.000, mặt sau trống không có ghi.

01 tờ giấy giao tiền mặt trước có ghi giấy giao tiền hui mở ngày 19/1/20 al (bản photo), có chữ ký của Đỗ Thị Ngọc D, mặt sau trống không ghi.

01 tờ giấy mặt trước hót hui có ghi hui mở ngày 04/4/20 al, ghi chữ hót hui cuối mặt trước của tờ giấy có ghi số 126.400.000, phía trên mặt trước bên tay phải có

đánh số 6, mặt sau của tờ giấy phía trên có ghi tiền lãi 55.500.000 bên góc phải + 29.200.000, cuối mặt sau có ghi số 70.900.000

01 tờ giấy có ghi chữ hốt hui, hui mở ngày 04/4/2020 al, phía trước bên phải có đánh số 7, mặt trước cuối tờ giấy có ghi 126.800.000, mặt sau của tờ giấy có ghi số điện thoại 0918948339 bị gạch xóa.

01 tờ giấy mặt trước cuối trang có ghi chữ một trăm bốn mươi lăm triệu lẻ sáu trăm ngàn đồng, bên phải phía trên mặt trước tờ giấy có đánh số 12, mặt sau cuối trang có ghi số 16.250.000.

01 tờ giấy mặt trước có ghi hốt hui ngày 25/8/20 al, cuối trang mặt trước có ghi chữ một trăm năm mươi một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng, mặt sau trống.

01 tờ giấy mặt trước có ghi số 59.950.000, mặt sau không ghi chữ.

01 tờ giấy ghi hốt hui ngày 25/8/2020 al, cuối trang mặt trước ghi chữ một trăm bốn mươi lăm triệu lẻ năm trăm ngàn đồng cuối mặt trước có ghi 15.000.000, phía trên tờ giấy có đánh số 13 bên phải, mặt sau trống không có ghi.

01 tờ giấy có ghi 59.200.000, mặt sau có ghi các số bị gạch ngang.

01 tờ giấy mặt trước có ghi cô D, phía dưới có ghi (55.500.000), mặt sau trống.

01 tờ giấy mặt trước có ghi âm lịch 5/5/2020, cuối mặt trước có ghi 02 kỳ kèo 1.250.000, mặt sau phía gần cuối tờ giấy có ghi mượn 49.500.000 + 20.000.000 + dòng cuối mặt trước có ghi 69.500.000, mặt sau phía dưới ghi số điện thoại 0902406779 có gạch ngang số điện thoại.

01 tờ giấy có ghi hốt hui ngày 25/8/20 al, phía bên phải mặt trước có đánh 15, cuối trang mặt trước có ghi một trăm năm mươi một triệu tám trăm ngàn đồng, mặt sau trống.

01 tờ giấy mặt trước có ghi chữ hui hốt được, phía trên bên phải mặt trước và phía dưới bên phải mặt trước có đánh số 15, hui hốt được 151.000.000, trừ 83.250.000, phía dưới ghi 67.750.000, mặt sau tờ giấy là những con số bị gạch ngang.

01 tờ giấy 02 mặt, mặt trước phía trên và dưới tay phải đánh số 15, phía trên bên trái mặt trước có ghi số 31.000.000, phía gần cuối mặt trước có ghi số 83.250.000, mặt sau là những con số gạch ngang.

Tại phiên ngày 18/5/2022, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cung cấp những tờ giấy đánh số thứ tự từ 01 đến 08 theo bị đơn là giấy giao và hốt hui của hui viên khác với bà H. Xét thấy: Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không trình bày được cụ thể từng tờ giấy nộp tại phiên toà là chứng minh cho việc đóng hui chết của dây hui nào. Mặc khác các giấy tờ này không được bà H thừa nhận, lại không có chữ ký của bà H, nên không có giá trị chứng minh bà D đã đóng hui chết tất cả các dây hui trên cho đến tháng 12 năm 2020. Căn cứ vào thừa nhận của nguyên đơn bà D

đã đóng hui chết các dây hui còn nợ 2.485.000.000 đồng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà D trả nợ hui 2.485.000.000 đồng.

[5]Đối với yêu cầu trả số tiền tiền lãi do bà D chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hui. Nhận thấy: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ: “Trường hợp đến kỳ mở họi mà thành viên đã lĩnh họi không góp phần họi hoặc góp phần họi không đầy đủ thì phải trả lãi như sau: Trường hợp họi không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định của số tiền chậm góp họi trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp...”. Bà H yêu cầu trả lãi theo lãi suất 08%/ tháng là thấp hơn mức lãi suất quy định được viện dẫn trên, nên được chấp nhận mức lãi suất.

Biên nhận nợ hui hót số tiền 141.000.000 đồng mẫn hui ngày 15/01/2021 âm lịch nhằm ngày 26/02/2021 đến ngày 01/6/2022 là 15 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 15 = 24.000.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 138.950.000 đồng mẫn hui ngày 15/01/2021 âm lịch nhằm ngày 26/02/2021 đến ngày 01/6/2022 là 15 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $190.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 15 = 22.800.000 \text{ đồng}$

Biên nhận nợ hui 73.750.000 đồng mẫn hui ngày 15/01/2021 âm lịch nhằm ngày 26/02/2021 đến ngày 01/6/2022 là 15 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $95.000.000 \times 0.8\% \times 15 = 11.400.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 152.250.000 đồng mẫn hui ngày 15/01/2021 âm lịch nhằm ngày 26/02/2021 đến ngày 01/6/2022 là 15 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 15 = 18.000.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 117.700.000 đồng mẫn hui ngày 04tháng 04 năm 2021 âm lịch nhằm ngày 30/5/2021 đến ngày 01/6/2022 là 12 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $135.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 12 = 12.960.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 133.700.000 đồng mẫn hui ngày 04/10/2021 âm lịch nhằm ngày 08/11/2021 đến ngày 01/6/2022 là 07 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $190.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 07 = 10.640.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 141.800.000 đồng mẫn hui ngày 04/10/2021 âm lịch nhằm ngày 08/11/2021 đến ngày 01/6/2022 là 07 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $160.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 07 = 8.960.000 \text{ đồng}$

Biên nhận nợ hui 128.000.000 đồng mẫn hui ngày 25/02/2022 âm lịch nhằm ngày 27/03/2022 đến ngày 01/6/2022 là 02 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 02 = 2.400.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 103.100.000 đồng mãn hui ngày 25/11/2021 âm lịch nhằm ngày 28/12/2021 đến ngày 01/6/2022 là 05 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $290.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 05 = 11.600.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 117.200.000 đồng mãn hui ngày 25/02/2022 âm lịch nhằm ngày 27/03/2022 đến ngày 01/6/2022 là 05 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $140.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 05 = 5.600.000 \text{ đồng}$.

Biên nhận nợ hui 74.500.000 đồng mãn hui ngày 25/02/2022 âm lịch nhằm ngày 27/03/2022 đến ngày 01/6/2022 là 02 tháng. Số tiền lãi dây hui này được xác định: $85.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 02 = 1.360.000 \text{ đồng}$.

[6] Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với các biên nhận nợ hui 145.600.000 đồng; biên nhận nợ hui 145.500.000 đồng; biên nhận nợ hui 151.650.000 đồng; biên nhận nợ hui 151.800.000 đồng.

[7] Tổng số tiền nợ hui và tiền lãi bà D còn nợ bà H là $2.485.000.000 \text{ đồng} + 129.720.000 \text{ đồng} = 2.614.720.000 \text{ đồng}$. Bà H thừa nhận còn nợ hui bà D số tiền 90.750.000 đồng do bà D bán hui, nhưng lại không đồng ý khấu trừ vì cho rằng bà H đã đóng lãi ngân hàng trong quá trình choàng tiền hui cho bà D. Xét thấy, việc bà D vi phạm nghĩa vụ đóng hui bà H đã yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện góp hui, nên buộc bà H phải chấp nhận khấu trừ số tiền 90.750.000 đồng vào tiền bà D nợ hui. Như vậy bà D có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ hui $2.614.720.000 \text{ đồng} - 90.750.000 \text{ đồng} = 2.523.970.000 \text{ đồng}$.

[8] Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà D trả cho bà H tiền nợ vay gốc là 2.800.000.000 đồng và tiền lãi là 419.419.000 đồng. Buộc bà D trả cho bà H số tiền nợ hui bao gồm cả tiền nợ hui và tiền lãi chậm góp hui là 2.523.970.000 đồng

[9] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền trả cho bà H, nhưng bà D là người cao tuổi bà D được miễn toàn bộ án phí. Bà H phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu lãi đối với nợ vay không được chấp nhận $(911.519.088 \text{ đồng} - 419.419.000 \text{ đồng}) = 492.100.000 \text{ đồng}$ là $[20.000.000 \text{ đồng} + (92.100.000 \text{ đồng} \times 4\%)] = 23.684.000 \text{ đồng}$. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu trả nợ hui không được chấp nhận là $(2.615.360.000 \text{ đồng} - 2.523.970.000 \text{ đồng}) = 91.390.000 \text{ đồng}$ là $(91.390.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.569.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Đỗ Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ vay là 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng và tiền lãi trên số tiền vay là 419.419.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu bốn trăm mười chín ngàn) đồng.

Buộc bà Đỗ Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ hui và lãi là 2.523.970.000 (hai tỷ năm trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 23.684.000 (hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn) đồng đối với yêu cầu trả lãi trên số tiền vay không được chấp nhận và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.569.000 (bốn triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn) đồng đối với yêu cầu trả lãi nợ hui không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.698.000 (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005101 ngày 10/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 8.445.000 (tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005101 ngày 10/05/2021; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 45.344.000 (bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005102 ngày 10/05/2021; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 250.000 (hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001061 ngày 02/11/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh